

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22YKA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 8 / 2023

Phòng thi: D.11.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022007	Lê Tú Anh	31/05/2003	Nữ	9,2	5,4	7,3	003	<u>van</u>		
2	116022014	Huỳnh Gia Bảo	19/03/2004	Nam	7,0	3,4	5,2	004	<u>pho</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Thầy Nguyễn Thị Lành

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Sơn Lâm

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22YKC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/8/2023

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116022064	Trần Chí Hiếu	16/04/2004	Nam	9,2	5,6	7,4	001	Trần Chí Hiếu		
2	116022096	Phạm Hiếu Lam	26/12/2003	Nữ	9,2	5,8	7,5	002	Phạm Hiếu Lam		
3	116022101	Nguyễn Hữu Lộc	28/04/2003	Nam	8,9	5,6	7,3	003	Nguyễn Hữu Lộc		
4	116022102	Nguyễn Phúc Lộc	12/05/2004	Nam	9,4	7,4	8,4	004	Nguyễn Phúc Lộc		
5	116022103	Trần Đức Lộc	23/07/2004	Nam	8,9	6,2	7,6	005	Trần Đức Lộc		
6	116022104	Võ Tấn Lộc	23/05/2004	Nam	8,9	6,6	7,8	006	Võ Tấn Lộc		
7	116022105	Nguyễn Phan Thị Mỹ Lợi	04/07/2004	Nữ	7,0	6,0	6,5	007	Nguyễn Phan Thị Mỹ Lợi		
8	116022106	Trình Thị Cẩm Ly	28/12/2004	Nữ	8,7	8,0	8,4	008	Trình Thị Cẩm Ly		
9	116022107	Bùi Thị Quỳnh Mai	31/05/2003	Nữ	8,7	7,6	8,2	009	Bùi Thị Quỳnh Mai		
10	116022108	Cao Ngọc Mịn	29/09/2004	Nữ	8,7	6,2	7,5	010	Cao Ngọc Mịn		
11	116022109	Trần Đức Minh	19/06/2004	Nam	9,2	7,6	8,4	011	Trần Đức Minh		
12	116022110	Đặng Tiểu My	20/09/2002	Nữ	8,7	3,8	6,3	012	Đặng Tiểu My		
13	116022111	Lương Ngọc Uyên My	06/09/2004	Nữ	6,7	4,2	5,5	013	Lương Ngọc Uyên My		
14	116022112	Đặng Nguyễn Ngọc Ngân	27/10/2003	Nữ	8,7	5,6	7,2	014	Đặng Nguyễn Ngọc Ngân		
15	116022114	Huỳnh Lê Hải Ngân	11/02/2004	Nữ	9,0	5,0	7,0	015	Huỳnh Lê Hải Ngân		
16	116022115	Lê Hoàng Kim Ngân	01/06/2003	Nữ	8,7	5,6	7,2	016	Lê Hoàng Kim Ngân		
17	116022116	Nguyễn Trung Nghĩa	08/11/2003	Nam	8,7	3,4	6,1	017	Nguyễn Trung Nghĩa		
18	116022118	Nguyễn Nhật Nghiêm	29/04/2004	Nam	8,9	4,4	6,7	018	Nguyễn Nhật Nghiêm		
19	116022119	Lê Thị Kim Ngọc	04/11/2004	Nữ	9,0	5,8	7,4	019	Lê Thị Kim Ngọc		
20	116022121	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	25/07/2003	Nữ	8,7	5,4	7,1	020	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		
21	116022122	Nguyễn Thị Kim Ngọc	05/05/2004	Nữ	9,0	5,2	7,1	021	Nguyễn Thị Kim Ngọc		
22	116022123	Đào Trọng Nguyên	17/01/2004	Nam	9,5	6,8	8,2	022	Đào Trọng Nguyên		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Đình Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Trần Sơn Ca

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22YKC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Tra cứu

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/8/2023

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022124	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	26/02/2004	Nữ	8,7	6,8	7,8	001		
2	116022126	Trần Việt	Nguyên	08/04/2004	Nam	9,2	5,6	7,4	002		
3	116022127	Trịnh Phúc	Nguyên	10/02/2004	Nam	8,7	8,4	8,6	003		
4	116022128	Hồ Trọng	Nguyễn	13/09/2004	Nam	8,7	7,8	8,3	004		
5	116022129	Lê Minh	Nguyệt	19/01/2004	Nữ	8,7	5,2	7,0	005		
6	116022130	Nguyễn Thanh	Nhân	18/02/2004	Nam	7,0	4,8	5,9	006		
7	116022131	Nguyễn Minh	Nhân	24/10/2004	Nam	9,2	5,0	7,1	007		
8	116022133	Lê Lâm Vũ	Nhi	12/07/2003	Nữ	8,7	5,8	7,3	008		
9	116022134	Lê Yến	Nhi	18/06/2003	Nữ	8,7	6,2	7,5	009		
10	116022135	Nguyễn Thị Mai	Nhi	16/09/2004	Nữ	9,0	5,6	7,3	010		
11	116022136	Trần Lê Yến	Nhi	09/12/2003	Nữ	8,7	5,6	7,2	011		
12	116022137	Trần Phương Thảo	Nhi	27/06/2004	Nữ	9,0	7,6	8,3	012		
13	116022138	Trần Thị Ngọc	Nhi	18/08/2004	Nữ	9,0	5,8	7,4	013		
14	116022139	Võ Thị Yến	Nhi	13/10/2004	Nữ	8,7	7,6	8,2	014		
15	116022140	Danh Thị Huỳnh	Như	22/11/2004	Nữ	9,2	7,6	8,4	015		
16	116022141	Huỳnh Quý	Như	16/03/2003	Nữ	8,9	5,6	7,3	016		
17	116022142	Lâm Thị Huỳnh	Như	31/07/2004	Nữ	10,0	7,6	8,8	017		
18	116022143	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	01/01/2002	Nữ	9,2	6,0	7,6	018		
19	116022144	Nguyễn Cao	Nhút	01/01/2004	Nam	9,9	7,2	8,6	019		
20	116022145	Huỳnh Bá	Phát	17/10/2003	Nam	8,9	3,4	6,2	020		
21	116022146	Huỳnh Tấn	Phát	23/01/2004	Nam	6,9	8,0	7,5	021		
22	116022253	Dương Tâm	Như	10/04/2003	Nữ	6,9	4,4	5,7	022		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ: 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Huỳnh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn Kha

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22YKC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/8/2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116022254	Phan Trương Khiết Oanh	11/02/2003	Nữ	8,9	6,0	7,5	005	khuetan		
2	116022255	Trần Phi	25/05/2000	Nam	8,9	5,8	7,4	006	Phi		
3	116022256	Phạm Lâm Bảo Phúc	18/04/2003	Nam	8,7	5,0	6,9	007	phuy		
4	116022257	Lữ Thị Thùy Phương	26/06/2003	Nữ	8,7	5,4	7,1	008	phuong		
5	116022258	Lê Thị Trúc Phương	09/02/2003	Nữ	8,7	4,4	6,6	009	truyphuong		
6	116022261	Trương Thị Hồng Tuyền	07/06/2003	Nữ	8,7	5,2	7,0	010	huy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phạm Sơn Lâm

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22YKD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 8 / 2023

Phòng thi: ĐH. 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022149	Lương Nguyên Phong	01/07/2004	Nam	8,7	8,2	6,0	001			
2	116022150	Bùi Phan Thy Phúc	11/11/2004	Nữ	9,0	5,2	7,1	002			
3	116022151	Quan Kim Phụng	13/05/2004	Nữ	8,7	6,0	7,4	003			
4	116022152	Lâm Phú Phương	08/02/2003	Nam	8,7	5,2	7,0	004			
5	116022153	Ngô Nguyễn Thanh Phương	11/07/2002	Nữ	6,7	7,4	7,1	005			
6	116022154	Phạm Cẩm Phương	17/11/2003	Nữ	8,9	5,4	7,2	006			
7	116022155	Thiều Mai Phương	28/07/2004	Nữ	8,9	8,0	8,5	007			
8	116022157	Cao Bình Quang	11/02/2004	Nam	8,9	3,2	6,1	008			
9	116022158	Phan Tiến Quốc	18/02/2004	Nam	8,9	6,2	7,6	009			
10	116022159	Phạm Dương Quốc	09/10/2003	Nam	9,1	6,2	7,7	010			
11	116022160	Nguyễn Hữu Quý	26/11/2000	Nam	7,4	6,8	7,1	011			
12	116022161	Nguyễn Phúc Thụ Quỳnh	16/09/2004	Nữ	8,9	7,2	8,1	012			
13	116022163	Nguyễn Văn Sĩ	25/10/2004	Nam	8,9	6,6	7,8	013			
14	116022164	Lê Hoàng Sơn	08/05/2004	Nam	8,9	6,2	7,6	014			
15	116022166	Trịnh Nguyễn Anh Tài	07/03/2004	Nam	9,1	5,4	7,3	015			
16	116022167	Hoàng Khắc Tâm	07/09/2004	Nam	9,0	3,6	6,3	016			
17	116022168	Lê Đào Phát Tân	01/03/2004	Nam	9,0	7,6	8,3	017			
18	116022169	Lê Nhật Tân	20/06/2003	Nam	9,0	6,0	7,5	018			
19	116022170	Lê Hữu Thắng	04/05/2004	Nam	9,0	6,0	7,5	019			
20	116022171	Nguyễn Chiến Thắng	24/11/2002	Nam	9,0	5,2	7,1	020			
21	116022173	Đào Thị Mỹ Thanh	30/11/2004	Nữ	9,3	6,8	8,1	021			
22	116022174	Lâm Chí Thanh	09/02/2004	Nam	9,5	6,6	8,1	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

14/8
D71.111

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22YKD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....14...../.....8...../.....2023

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022176	Nguyễn Nhật Thanh	19/08/2001	Nam	9,5	5.2	7,4	001	Thái		
2	116022177	Lưu Ngọc Phương Thảo	22/04/2004	Nữ	9,0	4.8	6,9	002	Thao		
3	116022178	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	29/11/2004	Nữ	8,7	5.8	7,3	003	Thao		
4	116022179	Biện Thị Minh Thi	31/10/2003	Nữ	8,7	5.4	7,1	004	Thi		
5	116022180	Nguyễn Anh Thi	20/01/2004	Nữ	8,7	7.2	8,0	005	Thi		
6	116022181	Kim Đô Thi	11/02/2004	Nam	9,0	7.6	8,3	006	Thi		
7	116022182	Đặng Minh Thiện	11/02/2004	Nam	8,7	5.8	7,3	007	Thiện		
8	116022183	Hà Ngọc Thiện	26/04/2004	Nam	9,7	5.8	7,8	008	Thiện		
9	116022184	Lê Minh Thiện	12/10/2004	Nam	8,7	4.6	6,7	009	Thiện		
10	116022186	Đỗ Huỳnh Minh Thông	19/09/2004	Nam	8,7	6.2	7,5	010	Thông		
11	116022187	Ngô Nguyễn Thu	24/07/2004	Nữ	10,0	5.8	7,9	011	Thu		
12	116022188	Trương Ngọc Anh Thư	14/02/2004	Nữ	10,0	6.0	8,0	012	Thư		
13	116022189	Nguyễn Anh Thư	18/09/2004	Nữ	6,7	6.4	6,6	013	Thư		
14	116022191	Phan Thị Anh Thư	15/10/2004	Nữ	8,7	5.8	7,3	014	Thư		
15	116022192	Sơn Thị Anh Thư	31/03/2002	Nữ	8,7	7.2	8,0	015	Thư		
16	116022193	Trần Gia Thuận	11/11/2004	Nam	6,2	5.0	5,6	016	Thuận		
17	116022194	Phan Trọng Thùy	06/02/2004	Nam	8,7	4.6	6,7	017	Thùy		
18	116022224	Bùi Nguyễn Như Uyên	08/02/2004	Nữ	9,0	5.4	7,2	018	Uyên		
19	116022259	Thạch Lý Thùy Tiên	22/04/2003	Nữ	8,7	4.0	6,4	019	Thùy Tiên		
20	116022260	Hán Nữ Kiều Tuyền	26/07/2003	Nữ	8,9	5.0	7,0	020	Tuyền		
21	116022262	Trần Quốc Thắng	01/09/2003	Nam	9,5	5.0	7,3	021	Thắng		
22	116022264	Thạch Sơn Thiện	14/01/2003	Nam	9,7	5.6	7,7	022	Thiện		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Thanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22YKD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 8 / 2023

Phòng thi: Đ.T.1: 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022308LT	Phan Thị Thùy Dương	17/11/2001	Nữ	8,7	4.8	6.8	011	duong		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thanh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Nguyễn Thị Lãnh

1418
D71.114

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA20CNTP

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TTV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/8/2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116220009	Khang Hy	05/05/2000	Nam	9,0	3,0	6,0	001	<i>Hy</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thanh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA22NNAA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/8/2023

Phòng thi: D.71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422014	Nguyễn Thiên Lý	30/06/2004	Nữ	8,9	7,6	8,3	002	<u>24</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành